

Văn học bằng tiếng Đức

129 từ, từ cơ bản đến nâng cao.

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
1	der Vergleich B1 <i>/deːɐ̯ ʧe̯ˈɡlaɪç/</i> số nhiều die Vergleiche	Sự so sánh	B1–B2
2	der Inhalt B1 <i>/deːɐ̯ ˈɪnhalt/</i> số nhiều die Inhalte	Nội dung	B1–B2
3	der Klappentext B2 <i>/deːɐ̯ ˈklapənˌtɛkst/</i> số nhiều die Klappentexte	Lời giới thiệu bìa sách	C1
4	die Rohfassung C1 <i>/diː ˈʁoːˌfasʊŋ/</i> số nhiều die Rohfassungen	Bản thảo thô	C1
5	die Sprachebene C1 <i>/diː ˈʃpʁaːxˌʔeːbənə/</i> số nhiều die Sprachebenen	Cấp độ ngôn ngữ	C1
6	die Allegorie C1 <i>/diː alegoˈʁiː/</i> số nhiều die Allegorien	Truyện ngụ ý	C1
7	die Personifikation C1 <i>/diː pɛʁzɔnɪfɪkaˈtʃjɔːn/</i> số nhiều die Personifikationen	Nhân cách hóa	C1
8	das Leitmotiv C1 <i>/das ˈlaɪtmɔˌtiːf/</i> số nhiều die Leitmotive	Leitmotif	C1
9	das Erzähltempo C1 <i>/das ɛɐ̯ˈtʁɛːlˌtɛmpo/</i> số nhiều die Erzähltempi	Tốc độ tường thuật	C1
10	Lesen A1 <i>/ˈleːzən/</i> las · hat gelesen · bắt quy tắc	Đọc	A1–A2
11	die Science-Fiction B1 <i>/diː ˈsaɪəns ˌfɪkʃjən/</i>	Khoa học viễn tưởng	B1–B2
12	das Buch A1 <i>/das ˈbuːx/</i> số nhiều die Bücher	Sách	A1–A2
13	Schreiben A1 <i>/ˈʃʁaɪbən/</i> schrieb · hat geschrieben · bắt quy tắc	Viết	A1–A2
14	die Gegenwartsliteratur C1 <i>/diː ˈgeːɡənvaʁtʃlɪtəʁaˌtuːɐ̯/</i>	Văn học đương đại	C1
15	die Literaturkritik C1 <i>/diː litəʁaˈtuːɐ̯kʁɪˌtiːk/</i>	Phê bình văn học	C1

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
16	die Literaturwissenschaft C1 <i>/di: litəʁə'tu:ɐ̯,vɪsənʃaft/</i> số nhiều die Literaturwissenschaften	Nghiên cứu văn học	C1
17	die Nachkriegsliteratur C1 <i>/di: 'na:xkwɪ:ksliteʁə,tu:ɐ̯/</i>	Văn học hậu chiến	C1
18	die Rückgabe B1 <i>/di: 'ʁʏk,ga:bə/</i> số nhiều die Rückgaben	Trả hàng	B1–B2
19	der Handlungsstrang C1 <i>/de:ɐ̯ 'handlʊŋs,ʃtʁaŋ/</i> số nhiều die Handlungsstränge	Tuyến truyện	C1
20	die Nebenhandlung B2 <i>/di: 'ne:bʏ,handlʊŋ/</i> số nhiều die Nebenhandlungen	Cốt truyện phụ	C1
21	der Bewusstseinsstrom C2 <i>/de:ɐ̯ bə'vʊstzəɪns,ʃtʁɔ:m/</i> số nhiều die Bewusstseinsströme	Dòng ý thức	C1
22	der Innenmonolog C1 <i>/de:ɐ̯ 'ɪnənmono,lɔ:k/</i> số nhiều die Innenmonologe	Độc thoại nội tâm	C1
23	die Dekonstruktion C2 <i>/di: dekonstʁʊk'tsʊɔ:n/</i> số nhiều die Dekonstruktionen	Giải cấu trúc	C1
24	die Postmoderne C1 <i>/di: ,pɔstmo'dɛʁnə/</i>	Chủ nghĩa hậu hiện đại	C1
25	die Zeitschleife B2 <i>/di: 'tsaɪt,ʃlaɪfə/</i> số nhiều die Zeitschleifen	Vòng lặp thời gian	C1
26	die Geistesgeschichte C2 <i>/di: 'gəɪstəsɡə,ʃɪçtə/</i>	Lịch sử tư tưởng	C1
27	das Heft A1 <i>/das 'hɛft/</i> số nhiều die Hefte	Quyển vở	A1–A2
28	die Seite A1 <i>/di: 'zɑɪtə/</i> số nhiều die Seiten	Trang	A1–A2
29	der Titel A2 <i>/de:ɐ̯ 'ti:tʃ/</i> số nhiều die Titel	Nhan đề tác phẩm	A1–A2
30	die Geschichte A1 <i>/di: gə'ʃɪçtə/</i> số nhiều die Geschichten	Câu chuyện	A1–A2
31	die Bibliothek A1 <i>/di: bibljo'te:k/</i> số nhiều die Bibliotheken	Thư viện	A1–A2

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
32	der Artikel A2 <i>/de:ɡ ʰa:ˈti:kəl/</i> số nhiều die Artikel	Bài báo	A1–A2
33	das Bild A1 <i>/das ˈbɪlt/</i> số nhiều die Bilder	Hình ảnh	A1–A2
34	das Regal A1 <i>/das ʁeˈga:l/</i> số nhiều die Regale	Cái kệ	A1–A2
35	der Spannungsbogen C1 <i>/de:ɡ ˈʃpanʊŋs,bo:ɡn/</i> số nhiều die Spannungsbögen	Mạch cao trào	C1
36	die Figurenentwicklung C1 <i>/di: fiˈɡu:ʁənʔent,vɪklʊŋ/</i> số nhiều die Figurenentwicklungen	Phát triển nhân vật	C1
37	der Expressionismus C1 <i>/de:ɡ ɛksprɛsʊˈnɪsmʊs/</i>	Chủ nghĩa biểu hiện	C1
38	die Vorausdeutung C1 <i>/di: foˈʁaʊs,dʊʔtʊŋ/</i> số nhiều die Vorausdeutungen	Báo trước	C1
39	die Zeitschrift A2 <i>/di: ˈtsaɪt,ʃʁɪft/</i> số nhiều die Zeitschriften	tạp chí định kỳ	A1–A2
40	die Zeitung A1 <i>/di: ˈtsaɪtʊŋ/</i> số nhiều die Zeitungen	Báo	A1–A2
41	das Gedicht A2 <i>/das gəˈdɪçt/</i> số nhiều die Gedichte	Bài thơ	B1–B2
42	die Spannung B1 <i>/di: ˈʃpanʊŋ/</i>	Sự hồi hộp	B1–B2
43	Zeichnen A1 <i>/ˈtsaɪçnən/</i> zeichnete · hat gezeichnet	Vẽ tranh	A1–A2
44	die Erzähltheorie C2 <i>/di: ɛɐ̯ˈtʁɛ:lteo,ʁi:/</i> số nhiều die Erzähltheorien	Lý thuyết tường thuật	C1
45	der Comic A2 <i>/de:ɡ ˈkɔmɪk/</i> số nhiều die Comics	Truyện tranh	A1–A2
46	die Komödie B1 <i>/di: koˈmø:ɔ̯jə/</i> số nhiều die Komödien	Hài kịch	A1–A2
47	der Krimi A2 <i>/de:ɡ ˈkʁɪmi/</i> số nhiều die Krimis	Phim trinh thám	A1–A2

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
48	der Autor A2 <i>/de:ɡ ˈaʊtoːɐ̯/</i> số nhiều die Autoren	Tác giả	A1–A2
49	die Hermeneutik C2 <i>/di: hɛʁmeˈnɔʏtɪk/</i>	Thông diễn học	C1
50	die Intertextualität C2 <i>/di: ʔɪntetɛkstualiˈtɛ:t/</i>	Tính liên văn bản	C1
51	die Zeitreiseerzählung C1 <i>/di: ˈtsaɪtʁaɪzəʔɛɡʁtsɛ:lʊŋ/</i> số nhiều die Zeitreiseerzählungen	Câu chuyện du hành thời gian	C1
52	die Epochenanalyse C1 <i>/di: eˈpɔxŋʔana.ly:zə/</i> số nhiều die Epochenanalysen	Phân tích kỷ nguyên	C1
53	die Jury B1 <i>/di: ˈʒy:ʁi/</i> số nhiều die Jurys	Ban giám khảo	B1–B2
54	das Genre B2 <i>/das ˈʒã:ʁə/</i> số nhiều die Genres	Thể loại	B1–B2
55	die Ironie B2 <i>/di: ʔiʁəˈni:/</i>	Sự mỉa mai	B1–B2
56	das Märchen A2 <i>/das ˈmɛ:ɐ̯çən/</i> số nhiều die Märchen	Truyện cổ tích	A1–A2
57	der Roman A2 <i>/de:ɡ ʁoˈma:n/</i> số nhiều die Romane	Cuốn tiểu thuyết	A1–A2
58	das Wörterbuch A1 <i>/das ˈvœʁtɐˌbu:x/</i> số nhiều die Wörterbücher	Từ điển	A1–A2
59	die Illustration B2 <i>/di: ʔɪlʊstʁaˈtsjo:n/</i> số nhiều die Illustrationen	Một hình minh họa	B1–B2
60	die Fabel B1 <i>/di: ˈfa:b/</i> số nhiều die Fabeln	Truyện ngụ ngôn	B1–B2
61	die Kurzgeschichte B1 <i>/di: ˈkʊʁtsgəˌʃɪçtə/</i> số nhiều die Kurzgeschichten	Truyện ngắn	B1–B2
62	die Tragödie B2 <i>/di: tʁaˈɡøːɖjə/</i> số nhiều die Tragödien	Thảm kịch	B1–B2
63	die Handlung B1 <i>/di: ˈhandlʊŋ/</i> số nhiều die Handlungen	Cốt truyện	B1–B2

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
64	die Hauptfigur B1 <i>/di: 'haʁptʃi,ɡu:ç/</i> số nhiều die Hauptfiguren	Nhân vật chính	B1–B2
65	das Lexikon B1 <i>/das 'lɛksikɔn/</i> số nhiều die Lexika	Bách khoa toàn thư	B1–B2
66	der Leser A2 <i>/de:ç 'le:zɐ/</i> số nhiều die Leser	Người đọc	A1–A2
67	die Leserin A2 <i>/di: 'le:zəʁɪn/</i> số nhiều die Leserinnen	Nữ độc giả	A1–A2
68	das Kapitel A2 <i>/das ka'pɪʈl/</i> số nhiều die Kapitel	Chương	A1–A2
69	die Rezension B2 <i>/di: ʁɛʦɛn'zʲo:n/</i> số nhiều die Rezensionen	Bài đánh giá	B1–B2
70	das Hörbuch A2 <i>/das 'hø:ç,ʁu:x/</i> số nhiều die Hörbücher	Sách nói	A1–A2
71	der Verlag B1 <i>/de:ç fɛç'la:k/</i> số nhiều die Verlage	Nhà xuất bản	B1–B2
72	der Verleger B2 <i>/de:ç fɛç'le:ɡɐ/</i> số nhiều die Verleger	Người xuất bản	B1–B2
73	die Auflage B2 <i>/di: 'aʁf,la:gə/</i> số nhiều die Auflagen	Lần xuất bản	B1–B2
74	die Veröffentlichung B2 <i>/di: fɛç'ʔœfɐntlɪçʊŋ/</i> số nhiều die Veröffentlichungen	sự công bố	B1–B2
75	das Drama B1 <i>/das 'dʁa:ma/</i> số nhiều die Dramen	Kịch	A1–A2
76	das Inhaltsverzeichnis B1 <i>/das 'ʔɪnhaltʃɛçtsaɪçnis/</i> số nhiều die Inhaltsverzeichnisse	Mục lục	B1–B2
77	das Sachbuch B1 <i>/das 'zax,ʁu:x/</i> số nhiều die Sachbücher	Sách phi hư cấu	B1–B2
78	die Autobiografie B2 <i>/di: ,aʁtobiɔɡʁa'fi:/</i> số nhiều die Autobiografien	Tự truyện	B1–B2
79	die Biografie B1 <i>/di: biɔɡʁa'fi:/</i> số nhiều die Biografien	Tiểu sử	B1–B2

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
80	die Textpassage B2 <i>/di: 'tɛkstpa,sɑ:ʒə/</i> số nhiều die Textpassagen	Đoạn văn bản	B1-B2
81	das Nachwort B2 <i>/das 'na:x,vɔʁt/</i> số nhiều die Nachworte	Lời kết	B1-B2
82	das Vorwort B2 <i>/das 'fo:ɐ̯,vɔʁt/</i> số nhiều die Vorworte	Lời nói đầu	B1-B2
83	der Erzähler B1 <i>/de:ɐ̯ ɛɐ̯'tsɛ:lə/</i> số nhiều die Erzähler	Người kể chuyện	B1-B2
84	die Perspektive B2 <i>/di: pɛʁspɛk'ti:və/</i> số nhiều die Perspektiven	Góc nhìn trần thuật	B1-B2
85	der Schauplatz B2 <i>/de:ɐ̯ 'ʃaʊ,plaʦ/</i> số nhiều die Schauplätze	Nơi diễn ra câu chuyện	B1-B2
86	der Thriller B1 <i>/de:ɐ̯ 'θʁɪlə/</i> số nhiều die Thriller	Phim giật gân	A1-A2
87	die Zeitreise B1 <i>/di: 'tsaɪt,ʁaɪzə/</i> số nhiều die Zeitreisen	Du hành thời gian	A1-A2
88	der Charakter B2 <i>/de:ɐ̯ ka'ʁaktɐ/</i> số nhiều die Charaktere	Nhân vật	A1-A2
89	das Lesezeichen A2 <i>/das 'le:zə,tsaɪçŋ/</i> số nhiều die Lesezeichen	Dấu trang	A1-A2
90	der Bestseller B1 <i>/de:ɐ̯ 'bɛst,sɛlə/</i> số nhiều die Bestseller	Sách bán chạy nhất	A1-A2
91	das Taschenbuch B1 <i>/das 'taʃŋ,bu:x/</i> số nhiều die Taschenbücher	Bìa mềm	A1-A2
92	das E-Book A2 <i>/das 'i:,bʊk/</i> số nhiều die E-Books	Sách điện tử	A1-A2
93	der Stil B1 <i>/de:ɐ̯ 'ʃti:l/</i> số nhiều die Stile	Phong cách	A1-A2
94	das Zitat B1 <i>/das tsi'ta:t/</i> số nhiều die Zitate	Trích dẫn	B1-B2
95	die Überschrift A2 <i>/di: 'ʔy:bɛ,ʃʁɪft/</i> số nhiều die Überschriften	Tiêu đề bài viết	B1-B2

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
96	der Druck B1 <i>/de:ɡ ˈdʁʊk/</i> số nhiều die Drucke	Bản in	B1–B2
97	der Entwurf B1 <i>/de:ɡ ɛntˈvʊʁf/</i> số nhiều die Entwürfe	Một bản nháp	B1–B2
98	die Korrektur B1 <i>/di: kɔʁɛkˈtu:ʁ/</i> số nhiều die Korrekturen	Việc sửa bản in	B1–B2
99	der Kritiker B1 <i>/de:ɡ ˈkʁi:tɪkɐ/</i> số nhiều die Kritiker	Nhà phê bình	B1–B2
100	die Metapher B2 <i>/di: meˈta:fɐ/</i> số nhiều die Metaphern	Ẩn dụ	B1–B2
101	die Satire B2 <i>/di: zaˈti:ʁə/</i> số nhiều die Satiren	Châm biếm	B1–B2
102	die Parodie B2 <i>/di: paʁoˈdi:/</i> số nhiều die Parodien	Sự nhại lại	B1–B2
103	das Motiv B1 <i>/das moˈti:f/</i> số nhiều die Motive	Mô-típ	B1–B2
104	der Literaturpreis B2 <i>/de:ɡ litəʁaˈtu:ʁ,pʁaɪs/</i> số nhiều die Literaturpreise	Giải thưởng Văn học	B1–B2
105	die Novelle B2 <i>/di: noˈvɛlə/</i> số nhiều die Novellen	Truyện vừa	B1–B2
106	die Nebenfigur B2 <i>/di: ˈne:bŋfi,ɡu:ʁ/</i> số nhiều die Nebenfiguren	Nhân vật phụ	B1–B2
107	die Fantasy B1 <i>/di: ˈfɛntəzi/</i>	Truyện giả tưởng	A1–A2
108	die Neuerscheinung B2 <i>/di: ˈnɔʏʔɛʁˌʃaɪnʊŋ/</i> số nhiều die Neuerscheinungen	Bản phát hành mới	B1–B2
109	die Illustrationen B2 <i>/di: ʔɪlʊstʁaˈt͡sjɔ:nən/</i>	Nhiều hình minh họa	B1–B2
110	die Lesung B1 <i>/di: ˈle:zʊŋ/</i> số nhiều die Lesungen	Buổi đọc sách	B1–B2
111	der Monolog B2 <i>/de:ɡ monoˈlo:k/</i> số nhiều die Monologe	Độc thoại	B1–B2

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
112	die Fußnote B2 <i>/di: 'fu:s,no:tə/</i> số nhiều die Fußnoten	Chú thích	B1-B2
113	der Realismus B2 <i>/de:ɐ̯ ʁea'lısmʊs/</i>	Chủ nghĩa hiện thực	B1-B2
114	die Moderne C1 <i>/di: mo'dɛʁnə/</i>	Chủ nghĩa hiện đại	B1-B2
115	die Romantik B2 <i>/di: ʁo'mantɪk/</i>	Chủ nghĩa lãng mạn	B1-B2
116	der Reim B1 <i>/de:ɐ̯ 'ʁaɪm/</i> số nhiều die Reime	Vần điệu	B1-B2
117	der Vers B2 <i>/de:ɐ̯ 'fɛʁs/</i> số nhiều die Verse	Câu thơ	B1-B2
118	der Dialog A2 <i>/de:ɐ̯ dia'lo:k/</i> số nhiều die Dialoge	Đối thoại	A1-A2
119	das Symbol B1 <i>/das zʏm'bo:l/</i> số nhiều die Symbole	Biểu tượng	A1-A2
120	die Ausleihe B1 <i>/di: 'aʊs,ləɪə/</i> số nhiều die Ausleihen	Mượn sách	B1-B2
121	Plot Twist B2 <i>/'plɒt ,twɪst/</i> der · số nhiều die Plot Twists	Tình tiết bất ngờ	B1-B2
122	das Hardcover B2 <i>/das 'ha:ɡɪ,kave/</i> số nhiều die Hardcover	Bìa cứng	B1-B2
123	das Manuskript B2 <i>/das manu'skʁɪpt/</i> số nhiều die Manuskripte	Bản thảo	B1-B2
124	der Lektor C1 <i>/de:ɐ̯ 'lɛkto:ɐ̯/</i> số nhiều die Lektoren	Biên tập viên bản thảo	B1-B2
125	das Lektorat C1 <i>/das lɛkto'ʁa:t/</i>	Hiệu đính	B1-B2
126	die ISBN B2 <i>/di: ʔi: ʔɛs be: 'ʔɛn/</i> số nhiều die ISBNs	ISBN	B1-B2
127	die Rückblende B2 <i>/di: 'ʁʏk,blɛndə/</i> số nhiều die Rückblenden	Cảnh hồi tưởng	B1-B2
128	die Bibliografie C1 <i>/di: biblɪoɡʁa'fi:/</i> số nhiều die Bibliografien	Danh mục tài liệu	B1-B2

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
129	die Kapitelüberschrift B1 /di: ka'pitl̩,ʔy:bɛʃʁɪft/ số nhiều die Kapitelüberschriften	Tiêu đề chương	B1-B2

Nghe từng từ và luyện tập miễn phí: <https://languageminute.com/vi/learn/de/topic/113-van-hoc>

German Minute: <https://apps.apple.com/app/id6749515334>